TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/7/2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Thành
2. Ông Nguyễn Đức Hoài

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toản - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1984; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 1, ấp 9, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1987; HKTT: Ấp Cần Giăng, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; Địa chỉ tạm trú: Ấp Hòa Vinh 2, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 02 năm 2020. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu chị và anh S quyết định chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, H, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai đều đã có gia đình, nhưng đã ly hôn rồi mới kết hôn lại, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại ấp Hòa Vinh 2, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng từ đầu năm 2019 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cải vã, gây lộn nhau nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình cũng như cách sống hằng ngày, anh S thường xuyên chơi bời, không lo làm ăn. Chị N có khuyên bảo nhưng anh S vẫn không thay đổi. Do không thể tiếp tục chung sống nên cuối năm 2019 chị N đã về nhà tại xã T, huyện H sống nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho tới nay không còn quan tâm nhau nữa. Nay chị N cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 20/9/2019. Trước đây anh S giữ bé lại không cho chị đưa con đi cùng nên con sống cùng anh S, nhưng từ cuối tháng 2/2020 anh S đã giao con lại cho chị nuôi dưỡng, hiện con đang sống cùng với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thanh S đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh S vắng mặt không lý *do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh S được.*

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N xin xét xử vắng mặt không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh S vắng mặt không lý do và không cung cấp chứng cứ tài liệu gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

+ Việc chấp hành theo quy định pháp luật tố tụng

+ Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 BLTTDS

Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều Điều 70, Điều 72 và Điều 234 BLTTDS

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy: Chị N và anh S chung sống với nhau vào năm 2018 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy anh chị thường xuyên mâu thuẫn, đã sống ly thân và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Do con chung hiện đang sống với chị N và con chung chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn anh Nguyễn Thanh S hiện có nơi cư trú tại ấp Hòa Vinh 2, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Về thủ tục tố tung: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Thanh S mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thanh S tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án chị N cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, gây lộn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình cũng như cách sống hằng ngày, anh S thường xuyên chơi bời, không lo làm ăn. Chị N có khuyên bảo nhưng anh S vẫn không thay đổi. Do không thể

tiếp tục chung sống nên chị N đã về nhà tại xã T, huyện H, Bình Phước sống từ cuối năm 2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa. Điều này phù hợp với chứng cứ là biên bản xác minh ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành và đơn xin xác nhận ngày 25/4/2020 mà chị N cung cấp. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần mở phiên hòa giải để động viên, thuyết phục và hàn gắn cho chị N, anh S nhưng anh S vắng mặt không lý do còn chị N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, giữa chị N và anh S đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh chị không còn quan tâm nhau nữa và cũng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh S.

[6] Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh S có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 20/9/2019. Theo chị N trình bày trước đây anh S giữ bé lại không cho chị đưa con đi cùng nên con sống cùng anh S, nhưng từ cuối tháng 2/2020 anh S đã giao con lại cho chị nuôi dưỡng, hiện con đang sống cùng với chị N. Trước đây chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng sau đó chị rút yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con và chỉ yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nữa. Xét thấy, con chung chưa được 36 tháng tuổi, hiện đang sống với chị N, chị N có nguyện vọng được nuôi con chung còn anh S không thể ghi nhận ý kiến do anh S đã được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị N giao con chung Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 20/9/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Do chị N rút yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần cấp dưỡng nuôi con và không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Không có nên Không xem xét giải quyết

[8] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9 Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 20/9/2019 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

3. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Thị N.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết

5. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004064 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã T –huyện H-Bình Phước
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ung Thị Ngọc Thanh